

MỤC LỤC

Chương I.....	7
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	7
1. Tên chủ cơ sở:.....	7
2. Tên cơ sở:	7
2.1. Địa điểm cơ sở:.....	7
2.2. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Các giấy phép môi trường thành phần:	8
2.3. Quy mô của cơ sở:.....	9
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....	9
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:	9
3.3. Sản phẩm của cơ sở: Nước đá cây.....	10
3.4. Các hạng mục công trình của cơ sở:.....	11
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	13
4.1. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện:.....	13
4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cấp nước:	13
4.3. Danh mục máy móc, thiết bị chính phục vụ sản xuất:	14
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:.....	15
Chương II.....	16
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH,.....	16
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	16
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	16
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:.....	16
Chương III	17
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH,	17
BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	17
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	17
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	17
1.2. Thu gom, thoát nước thải:	17
1.3. Xử lý nước thải:.....	18
2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:.....	19
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:.....	20
4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:.....	21

5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	22
5.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:.....	22
5.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố sét:.....	22
5.3. Phương án phòng ngừa sự cố rò rỉ khí gas:	23
6. Các nội dung thay đổi so với hồ sơ môi trường đã được Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm thông báo đủ điều kiện hoạt động tại Thông báo số 217/TB-UBND ngày 24/3/2020:.....	23
Hồ sơ môi trường đã được Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm thông báo đủ điều kiện hoạt động tại Thông báo số 217/TB-UBND ngày 24/3/2020.....	23
Chương IV	25
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	25
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	25
1.1. Nguồn phát sinh nước thải:	25
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:	25
1.3. Dòng nước thải:	25
2. Nội dung đề nghị cấp phép tiếng ồn, độ rung:	27
2.1. Nguồn phát sinh:.....	27
2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn.....	27
2.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:.....	27
Chương V	28
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	28
1. Kết quả vận hành thử nghiệm dây chuyền sản xuất nước đá:	28
1.1. Vị trí đo tiếng ồn:	28
1.2. Kết quả đo tiếng ồn:	28
2. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo:.....	29
2.1. Kết quả quan trắc nước thải sản xuất:	29
Đơn vị	29
Kết quả phân tích.....	29
QCVN 40:2011/BTNMT.....	29
2.2. Kết quả đo tiếng ồn, độ rung:	29
Chương VI.....	31
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	31
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư:.....	31
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:	31
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:	31

2. Chương trình quan trắc môi trường:.....	33
Chương VII.....	34
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA	34
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	34
Chương VIII	35
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	35

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường.
NĐ-CP	: Nghị định - chính phủ.
QĐ	: Quyết định.
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam.
TT	: Thông tư.
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn.
TDS	: Tổng chất rắn hòa tan
TSS	: Tổng chất rắn lơ lửng
UBND	: Ủy ban nhân dân.

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Tọa độ giới hạn ranh giới cơ sở	7
Bảng 2. Các hạng mục công trình chính.....	11
Bảng 3. Các hạng mục công trình phụ trợ.....	12
Bảng 4. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường.....	12
Bảng 5. Thống kê hóa đơn sử dụng nước từ tháng 01-9/2024.....	13
Bảng 6. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất.....	14
Bảng 7. Danh sách chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ năm 2020 đến nay.....	20
Bảng 8. Nội dung thay đổi so với hồ sơ môi trường đã được UBND thành phố Phan Rang - Tháp Chàm thông báo đủ điều kiện hoạt động tại Thông báo số 217/TB-UBND ngày 24/3/2020	23
Bảng 9. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn nước thải sinh hoạt	25
Bảng 10. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn nước thải sản xuất	26
Bảng 11. Khu vực cơ sở phát sinh tiếng ồn.....	27
Bảng 12. Giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung.....	27
Bảng 13. Vị trí đo tiếng ồn	28
Bảng 14. Kết quả đo tiếng ồn	28
Bảng 15. Kết quả phân tích nước thải sản xuất sau xử lý	29
Bảng 16. Vị trí đo tiếng ồn, độ rung.....	29
Bảng 17. Kết quả đo tiếng ồn, độ rung.....	30
Bảng 18. Kế hoạch vận hành thử nghiệm.....	31
Bảng 19. Dự kiến thời gian lấy mẫu.....	31
Bảng 20. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu	32

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. Vị trí và các đối tượng xung quanh cơ sở.....	8
Hình 2. Sơ đồ công nghệ sản xuất của cơ sở.....	10
Hình 3. Nước đá cây.....	11
Hình 4. Sơ đồ nhân sự cơ sở.....	15
Hình 5. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa.....	17
Hình 6. Sơ đồ tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải.....	18
Hình 7. Mương thu nước thải sản xuất.....	18
Hình 8. Hồ ga thu nước thải sản xuất.....	18
Hình 9. Sơ đồ công nghệ bể tự hoại.....	19
Hình 10. Sơ đồ bể xử lý nước thải sản xuất.....	19
Hình 11. Kho chứa chất thải nguy hại.....	20
Hình 12. Vị trí bố trí máy xay đá.....	21

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

Doanh nghiệp Tư nhân Nước đá Đức Tín

- Địa chỉ văn phòng: Khu phố 9, phường Mỹ Đông, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Bà Nguyễn Thị Hải;

Chức danh: Chủ Doanh nghiệp.

- Điện thoại: 0259 895688;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Doanh nghiệp tư nhân mã số 4500212747, đăng ký lần đầu ngày 16/01/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 04/4/2012.

2. Tên cơ sở:

Nhà máy nước đá Đức Tín

2.1. Địa điểm cơ sở:

Khu phố 9, phường Mỹ Đông, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Khu đất cơ sở có diện tích là 936 m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 358501).

- Tứ cận tiếp giáp của dự án:

+ Phía Bắc: Giáp hộ nhà Bà Võ Đường.

+ Phía Nam: Giáp hộ nhà Bà Nguyễn Thị Nữ.

+ Phía Đông: Giáp đường bê tông và lạch Đông Hải.

+ Phía Tây: Giáp đường.

- Tọa độ giới hạn ranh giới cơ sở:

Bảng 1. Tọa độ giới hạn ranh giới cơ sở

Tên mốc	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108°15', múi chiều 3°)	
	X	Y
A	1277096,03	584108,43
B	1277096,08	584134,43
C	1277060,07	584110,12
D	1277060,12	584136,12



Hình 1. Vị trí và các đối tượng xung quanh cơ sở

2.2. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Các giấy phép môi trường thành phần:

- Thông báo số 149/TB-UBND ngày 16/11/2012 của UBND thành phố Phan Rang - Tháp Chàm về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường Dự án xây dựng mở rộng nhà máy nước đá Đức Tín.

- Thông báo số 217/TB-UBND ngày 24/3/2020 của UBND thành phố Phan Rang - Tháp Chàm thông báo kết luận của đồng chí Trần Minh Thái- Phó Chủ tịch UBND thành phố tại buổi họp tham vấn các ngành về hoạt động của Nhà máy nước đá Đức Tín với nội dung:

+ Về điều kiện hoạt động của hai nhà máy cụ thể: nhà máy xây dựng trên thửa đất số 364, tờ 5-(c), phường Mỹ Đông với mục đích sử dụng đất là đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là phù hợp quy hoạch sử dụng đất; về môi trường theo kết quả kiểm tra, đo đạc tiếng ồn thực tế trong quá trình vận hành thử nghiệm khi hai nhà máy hoạt động sản xuất về tiếng ồn cho khung thời gian từ 21 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau đạt tiêu chuẩn sau khi Doanh nghiệp đã thực hiện các giải pháp giảm thiểu tiếng ồn. Do đó Nhà máy đủ điều kiện để hoạt động.

+ Về hồ sơ xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường của Nhà máy mở rộng: Theo quy định tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019, tại khoản 11 điều 1 sửa đổi điều 18 của Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đối tượng đăng ký Kế

hoạch BVMT, rà soát cột 5 của Phụ lục II mục I thì loại hình sản xuất nước đá không nằm trong danh mục của phụ lục này, hoặc các đối tượng có phát sinh nước thải trên 20m³/ngày đêm (Nhà máy phát sinh 1- 2 m³/ngày đêm) thì không cần lập Kế hoạch bảo vệ môi trường đủ điều kiện hoạt động.

2.3. Quy mô của cơ sở:

Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

Vốn đầu tư cơ sở là 2,37 tỷ đồng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Luật đầu tư công năm 2019 và mục III nhóm C phụ lục I phân loại dự án đầu tư công kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ thì cơ sở thuộc nhóm C theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công; Theo mục II (số thứ tự 2), Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở thuộc danh mục nhóm III.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 39, khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, khoản 5 Điều 28 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nhà máy nước đá Đức Tín vào hoạt động chính thức năm 2020 thì Nhà máy thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường và thẩm quyền cấp giấy phép môi trường là Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; Nội dung chính của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường theo Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

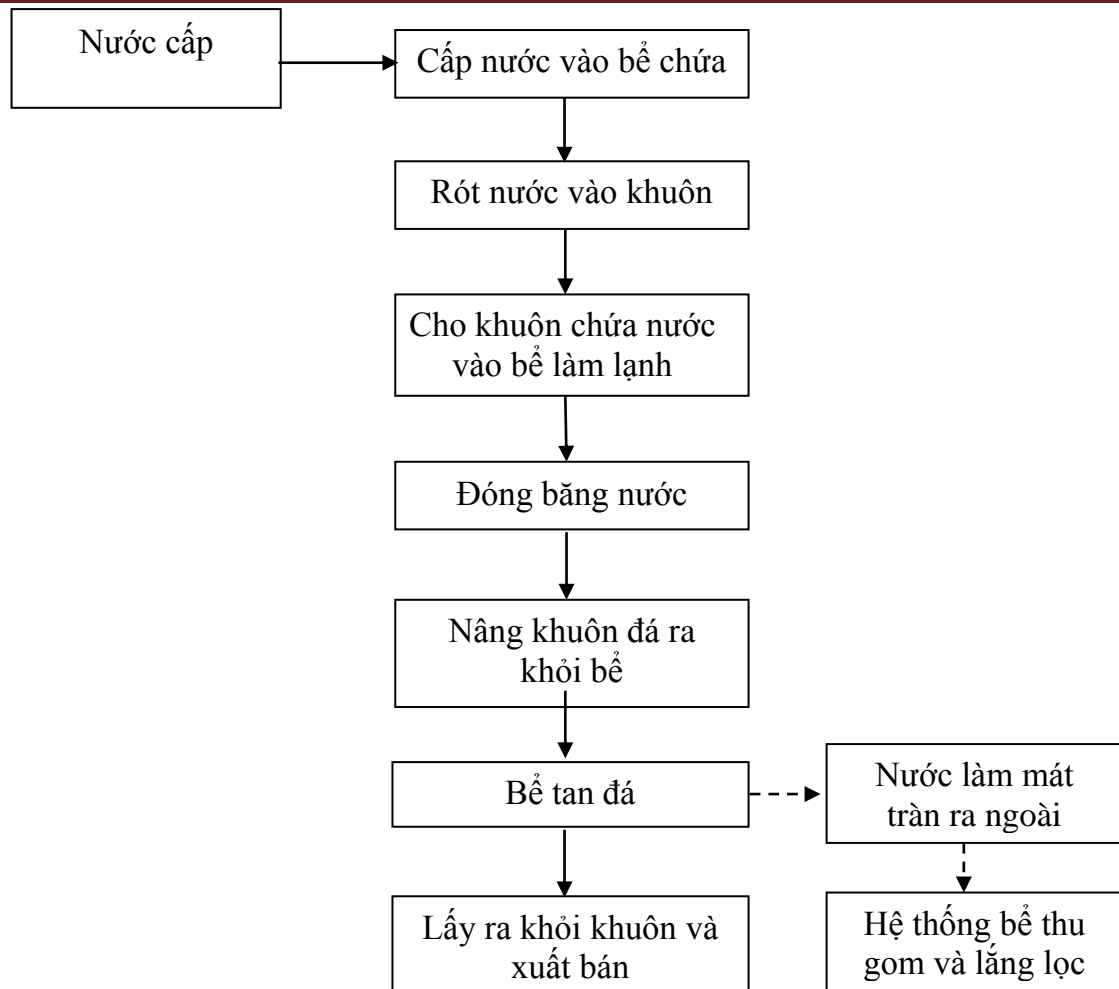
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở: Sản xuất 2.280 cây nước đá/ngày.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

a. Quy trình sản xuất:

** Sơ đồ công nghệ:*



Hình 2. Sơ đồ công nghệ sản xuất của cơ sở.

*** Thuyết minh quy trình:**

Để vận hành quy trình sản xuất của hệ thống làm đá cây, người ta thực hiện trong bể chứa dung dịch muối lạnh có nhiệt độ dưới -10 độ C.

Nguyên lý máy làm nước đá cây được vận hành như sau:

Nước máy từ hệ thống cấp nước thành phố được cấp vào bể chứa, nước tại hồ chứa được bơm lên máng cấp nước, tại máng nước được đưa vào từng khuôn kim loại để làm đá. Các khuôn chứa nước được đưa vào bể làm lạnh, nước trong bể làm lạnh là nước muối có nồng độ khoảng 3 – 5^oBe; tại đây nhờ có hệ thống khuấy trộn liên tục hơi lạnh trong bể làm đông đá nước sạch chứa trong các khuôn kim loại (công đoạn đóng băng nước). Nước đá cây sau khi đạt yêu cầu, sẽ đưa ra khỏi bể nước muối và được kéo đến hồ nhúng để tách đá cây ra khỏi khuôn. Tại công đoạn nhúng lấy đá thành phẩm sẽ phát sinh nước thải khoảng 3,0 m³/ngày.

3.3. Sản phẩm của cơ sở: Nước đá cây



Hình 3. Nước đá cây

3.4. Các hạng mục công trình của cơ sở:

a. Các hạng mục công trình chính:

Bảng 2. Các hạng mục công trình chính

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích	Số lượng	Kết cấu	Ghi chú
1	Nhà xưởng nước đá số 01	m ²	100,32	01	Kết cấu nền móng đúc bê tông cốt thép. Vì kèo khung thép chịu lực. Mái lợp tole kẽm dày 4,5 mm.	Hạng mục công trình chính đưa vào hoạt động theo Thông báo số 217/TB-UBND ngày 24/3/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
2	Nhà xưởng nước đá số 2	m ²	211,68	01	Kết cấu nền móng đúc bê tông cốt thép. Vì kèo khung thép chịu lực. Mái lợp tole kẽm dày 4,5 mm.	
3	Nhà xưởng nước đá số 3	m ²	99,00	01	Kết cấu nền móng đúc bê tông cốt thép. Vì kèo khung thép chịu lực. Mái lợp tole kẽm dày 4,5 mm.	
4	Phòng máy số 1	m ²	36,6	01	Kết cấu nền móng đúc bê tông cốt thép. Vì kèo khung thép chịu lực. Mái lợp tole kẽm	
5	Phòng máy số 2	m ²	12	01	Kết cấu nền móng đúc bê tông cốt thép. Vì kèo khung thép chịu lực. Mái lợp	

					tole kẽm.	
6	Bể chứa nước cấp sản xuất	m ³	170	01	Kết cấu nền móng đúc bê tông cốt thép, chống thấm	
7	Tháp giải nhiệt	-	-	01		
8	Tháp giải nhiệt	-	-	02		Đầu tư mới thay thế 02 giàn giải nhiệt vào giữa năm 2020

(Nguồn: Doanh nghiệp Tư nhân nước đá Đức Tín)

b. Các hạng mục công trình phụ trợ:

Bảng 3. Các hạng mục công trình phụ trợ

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích	Ghi chú
1	Nhà kho	m ²	10,86	Hạng mục công trình phụ trợ đưa vào hoạt động theo Thông báo số 217/TB-UBND ngày 24/3/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
2	Nhà nghỉ công nhân	m ²	31,62	
3	Nhà vệ sinh	m ²	23,43	
4	Sân đường nội bộ	m ²	231,78	

(Nguồn: Doanh nghiệp Tư nhân nước đá Đức Tín)

c. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

Bảng 4. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

Stt	Hạng mục công trình	Kích thước (dài x rộng x cao)	Số lượng	Diện tích/Dung tích/Dài	Vị trí bố trí	Ghi chú
1	Bể tự hoại 3 ngăn	- Ngăn xử lý: (2,6 x 0,7 x 2,0) m - Ngăn lắng: (1,2 x 0,7 x 2,0) m - Ngăn lọc: (1,2 x 0,7 x 2,0) m	01	7,00 m ³	Phía sau nhà xưởng nước đá số 1	Hạng mục công trình phụ trợ đưa vào hoạt động theo Thông báo số 217/TB-UBND ngày
2	Bể xử lý nước thải sản xuất 2 ngăn	- Ngăn lắng: 2,6 m x 0,7 m x 2 m - Ngăn chứa: 2,6 m x 0,7 m x 2 m	01	7,28 m ³	Phía sau nhà xưởng nước đá	

Stt	Hạng mục công trình	Kích thước (dài x rộng x cao)	Số lượng	Diện tích/Dung tích/Dài	Vị trí bố trí	Ghi chú
3	Kho chứa chất thải nguy hại	1,9 m x 1,8 m	01	3,42 m ²	số 2	24/3/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
4	Mương thoát nước thải sản xuất	0,4 m x 0,3 m	01	62 m	Phía Tây xưởng và dọc giữa xưởng nước đá 2 và 3	
5	Hố ga thu gom nước thải sản xuất	0,7 m x 0,6 m	03	-		
6	Hệ thống ống nhựa PVC thu nước mái nhà	Φ 120 mm	1	-		
7	Bể chứa nước thải sinh hoạt sau xử lý bằng bi giếng	- Đường kính D = 0,8 m - Chiều cao H = 1 m	01	5,03 m ³	Phía trước nhà kho	Xây dựng tháng 10/2024

(Nguồn: Doanh nghiệp Tư nhân nước đá Đức Tín)

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

4.1. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện:

a. **Nhu cầu sử dụng:** Lượng điện sử dụng cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt khoảng 47.000 kWh/ngày.

b. **Nguồn cung cấp:** Công ty Điện lực Ninh Thuận.

4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cấp nước:

a. Nhu cầu sử dụng:

Thông kê hóa đơn sử dụng nước từ tháng 01/2024 đến tháng 9/2024, lượng nước sử dụng như sau:

Bảng 5. Thông kê hóa đơn sử dụng nước từ tháng 01-9/2024

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Lượng nước (m ³)	1.710	1.356	1.925	2.581	2.158	2.950	2.269	2.553	3.648

(Nguồn: Doanh nghiệp Tư nhân nước đá Đức Tín)

Lượng nước sử dụng cao nhất 3.648 m³/tháng, tương đương 121,6 m³/ngày. Trong đó:

- Nước cấp cho sản xuất:

+ Nước cấp vào khuôn làm đá: Với công suất 2.280 cây đá/ngày, lượng nước sử dụng sản xuất: 2.280 cây đá/ngày x 50 lít nước/cây đá = 114.000 lít/ngày tương đương 114 m³/ngày.

+ Nước cấp bổ sung cho 03 tháp giải nhiệt khoảng 3,32 m³/ngày.

+ Nước cấp vào 03 bể tan đá (hàng ngày bổ sung thêm do hao hụt) khoảng 3,0 m³/ngày.

- Nước cấp sinh hoạt cho 06 nhân viên: 06 người x 130 lít/người/ngày = 780 lít/ngày = 0,78 m³/ngày (Định mức này được lấy theo Tiêu chuẩn TCVN 13606:2023 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế - Bảng 2 - Tiêu chuẩn dùng nước cho mục đích sinh hoạt (áp dụng vùng Đô thị loại II, III, IV)).

- Nước rửa vệ sinh khu vực xuất đá cây khoảng 0,5 m³/ngày.

b. Nguồn cung cấp: Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận.

4.3. Danh mục máy móc, thiết bị chính phục vụ sản xuất:

Bảng 6. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất

Stt	Danh mục các thiết bị	Nước sản xuất	Quy cách/ Công suất	Số lượng	Ghi chú
1	Máy nén Mycom	Nhật	120 Hp	2 (1 máy dự phòng)	Đầu tư đưa vào sử dụng và được thẩm định tại Thông báo số 217/TB-UBND ngày 24/3/2020
2	Máy nén Misubishi	Nhật	250 Hp	1	
3	Máy nén Sullair	Nhật	110 Hp	1	
4	Bầu ngưng tụ	Việt Nam	LBC 80	3	
5	Bơm nước giải nhiệt	Nhật	7,5 Hp	4	
6	Tháp giải nhiệt	Việt Nam	-	3	
7	Dàn lạnh xương cá	Ukaraina	-	3	
8	Bầu chứa ga	Việt Nam	710x2500mm	3	
9	Bầu thấp áp	Việt Nam	500x2500mm	3	
10	Bầu suction Tách nhớt	Việt Nam	-	3	
11	Bơm nước châm	Đ.Loan	5 Hp	4	

	khuôn			
12	Bơm nước xả đá khuôn	Đ.Loan	1 Hp	3
13	Bộ Balane kéo đá tự động	Nhật	3 Hp	5
14	Trạm biến áp	Việt Nam	560 KVA	1
15	Máy xay đá	Việt Nam	7,5 Hp	1

(Nguồn: Doanh nghiệp Tư nhân nước đá Đức Tín)

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

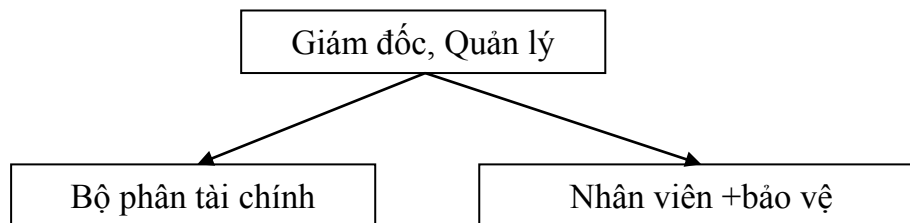
- Nguồn nhân lực: Giám đốc, quản lý: 1 người.

Kê toán, tài chính: 1 người.

Nhân viên + Bảo vệ: 4 người.

→ Tổng số nhân sự: 6 người.

- Sơ đồ nhân sự:



Hình 4. Sơ đồ nhân sự cơ sở.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Cơ sở hoạt động phù hợp với Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 04/9/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030.

Mục đích sử dụng là đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp thuộc thửa đất số 364, tờ bản đồ số 5-(c) tại phường Mỹ Đông, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm với diện tích 936 m² (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS358501 ngày 22/8/2029*). Như vậy, cơ sở hoạt động phù hợp với mục đích sử dụng đất, phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Ninh Thuận.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Trong quá trình hoạt động, cơ sở phát sinh nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại và tiếng ồn.

- Đối với nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất được thu gom theo mương dẫn vào bể xử lý nước thải sản xuất sau đó thoát ra lạch Đông Hải.

- Đối với nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt của nhân viên được thu gom xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, nước thải sau xử lý được dẫn vào ngăn lắng cặn bể xử lý nước thải sản xuất và thoát ra lạch Đông Hải.

- Đối với tiếng ồn: Quá trình hoạt động phát sinh tiếng ồn. Do đó, Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt được đội vệ sinh của phường thu gom.

- Đối với chất thải nguy hại thì được thu gom, lưu chứa tạm thời trong kho chứa chất thải nguy hại và định kỳ chuyên giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

Do đó, đối với những tác động phát sinh từ quá trình hoạt động của cơ sở và các biện pháp giảm thiểu nêu trên thì hoạt động của Cơ sở cơ bản phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

Chương III

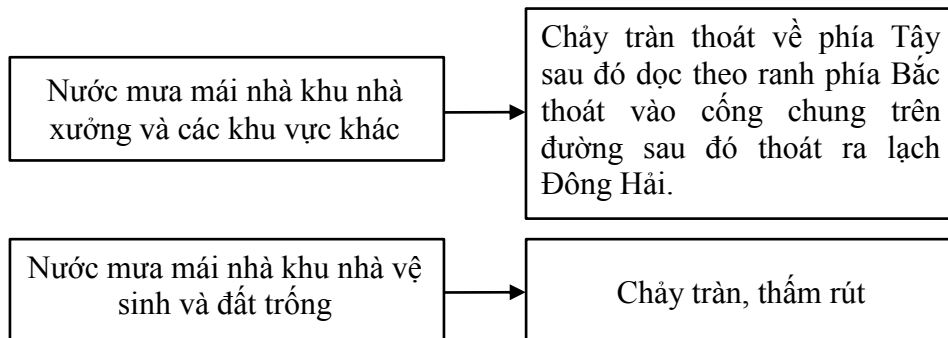
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

- Nước mưa trên mái khu nhà xưởng được thu gom theo đường ống nhựa PVC, đường kính 120 mm dẫn xuống đất chảy tràn tự nhiên theo địa hình sau đó thoát ra phía Tây sau đó dọc theo ranh phía Bắc thoát vào cống chung trên đường sau đó thoát ra lạch Đông Hải.

- Nước mưa mái nhà khu nhà vệ sinh và đất trống phía Đông chảy tràn, thấm rút.
- Sơ đồ minh họa mạng lưới thu gom, thoát nước mưa:



Hình 5. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

1.2.1. Công trình thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt được thu gom theo đường ống nhựa $\Phi 90$, dài khoảng 1,5 m dẫn vào bể tự hoại 3 ngăn, dung tích 7 m³ để xử lý.

- Nước thải sản xuất:

Công đoạn nhúng lấy đá thành phẩm sẽ phát sinh nước thải khoảng 3,0 m³/ngày. Thành phần nước là nước đá tan với độ sạch cao tiêu chuẩn nước cấp, chỉ lẫn cát, bụi khi rơi vãi ra sàn. Lượng nước này được thu gom bằng mương dẫn có kích thước (rộng 400 x sâu 300) cm chạy dọc theo toàn bộ chiều ngang của cơ sở với chiều dài khoảng 36m, chảy qua 03 hố ga thu nước thải sản xuất (700 cm x 600 cm) sau đó tiếp tục theo mương dẫn có kích thước (rộng 400 x sâu 300) cm, dài khoảng 15 m rồi theo đường ống nhựa PVC, đường kính D114 chảy vào bể xử lý nước thải sản xuất 2 ngăn bằng bê tông để lắng cặn.

1.2.2. Công trình thoát nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

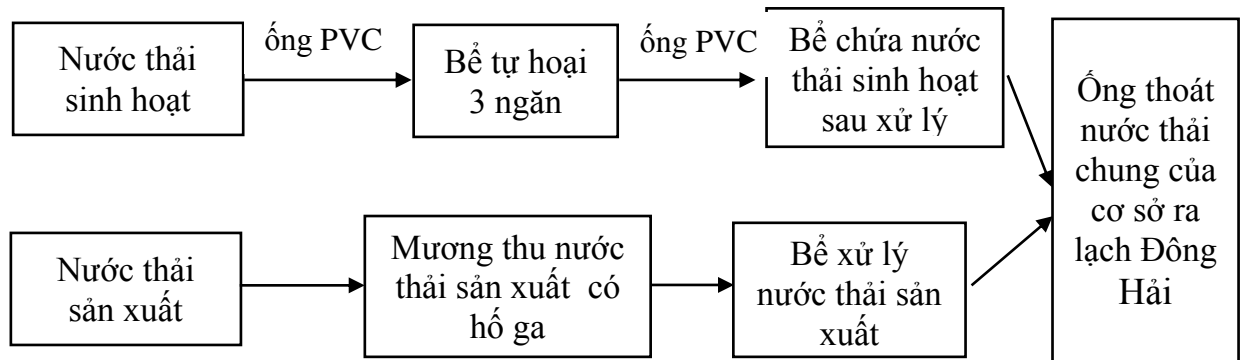
Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn theo ống dài 8 m dẫn vào bể chứa nước thải sinh hoạt sau xử lý bằng bi giếng có dung tích $5,03 \text{ m}^3$, kích thước $D = 0,8 \text{ m}$, $H = 1 \text{ m}$, sau đó theo ống PVC, đường kính D90 dài 16 m vào ngăn lắng cặn bể xử lý nước thải sản xuất và thoát ra lạch Đông Hải.

- Nước thải sản xuất:

Nước thải sản xuất sau khi xử lý theo ống PVC, đường kính D90 dài 3 m cùng với nước thải sinh hoạt sau xử lý thoát ra lạch Đông Hải.

- Điểm xả nước thải sau xử lý: Nước thải sau xử lý thoát ra lạch Đông Hải tại vị trí có tọa độ: $X = 1277058$; $Y = 584144$ (hệ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải:



Hình 6. Sơ đồ tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải



Hình 7. Mương thu nước thải sản xuất



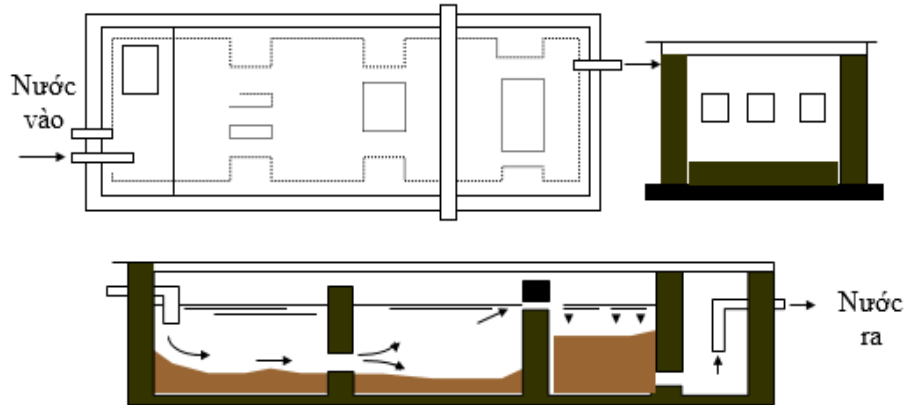
Hình 8. Hố ga thu nước thải sản xuất

1.3. Xử lý nước thải:

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt được thu gom về và xử lý bằng 01 bể tự hoại 3 ngăn. Kích thước phủ bì bể tự hoại: dài 3 m x rộng 2 m x sâu 2,2 m. Thể tích thực của bể 7,0 m³, kết cấu đáy và thành hồ các ngăn được xây bằng bê tông. Kích thước các ngăn:

- + Ngăn xử lý: dài 2,6 m x rộng 0,7 m x sâu 2 m.
- + Ngăn lắng: dài 1,2 m x rộng 0,7 m x sâu 2 m.
- + Ngăn lọc: dài 1,2 m x rộng 0,7 m x sâu 2 m.



Hình 9. Sơ đồ công nghệ bể tự hoại

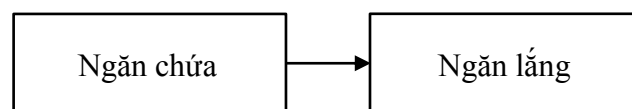
Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nước thải sau xử lý được dẫn qua bể chứa và nhập chung vào đường ống thoát nước thải sản xuất sau đó thoát ra lạch Đông Hải.

- Công trình xử lý nước thải sản xuất:

Nước thải sản xuất phát sinh được thu gom về và xử lý bằng bể xử lý nước thải sản xuất 02 ngăn, kích thước phủ bì 3 m x 2 m x 2,2 m. Dung tích thực của bể khoảng 7,28 m³, kết cấu đáy và thành hồ các ngăn được xây bằng bê tông. Kích thước các ngăn:

- + Ngăn chứa: 2,6 m x 0,7 m x 1,9 m.
- + Ngăn lắng: 2,6 m x 0,7 m x 1,9 m.

Sơ đồ bể xử lý nước thải sản xuất 2 ngăn:



Hình 10. Sơ đồ bể xử lý nước thải sản xuất

2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quản lý, công nhân là 06 người, lượng chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở là khoảng 6,0 kg/ngày. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm: giấy, bao bì nhựa, vải, thủy tinh, lon thiếc, nhôm, kim loại, thức ăn dư thừa các loại, rau quả và củ các loại... được thu gom vào 01 thùng chứa rác dung tích 20 lít. Rác

thải sinh hoạt sẽ được đội vệ sinh phường Mỹ Đông thu gom hàng ngày và chuyển cho Công ty TNHH XD TM & SX Nam Thành để vận chuyển đi xử lý.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom lưu chứa từ năm 2020 đến nay khoảng 44,5 kg, được thu gom vào các thùng lưu chứa 10 lít có dán nhãn mã CTNH và được đưa vào kho chứa chất thải nguy hại diện tích 3,4 m², kích thước 1,9 m x 1,8 m. Kho chứa có, kết cấu xây bằng gạch thẻ tô trát vữa xi măng, nền bê tông, mái lợp tôn.

Doanh nghiệp hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 01/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 01/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.



Hình 11. Kho chứa chất thải nguy hại.

Bảng 7. Danh sách chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ năm 2020 đến nay

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
I	Chất thải nguy hại			
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	34
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	2,5
II	Chất thải công nghiệp phải kiểm soát			

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì cứng thải	Rắn	18 01 03	03
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	05
	Tổng			44,5

4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Toàn bộ các chân máy móc, động cơ được lắp đặt lớp đệm cao su, trên nền móng bê tông vững chắc nhằm hạn chế tối đa độ rung ảnh hưởng đến công nhân và các hộ dân xung quanh.

- Lắp biển báo cấm bóp còi, đi chậm tại khu vực ra vào đầu khu dân cư. Tuyên truyền cho các lái xe ý thức về an toàn giao thông, di chuyển nhẹ nhàng không làm ảnh hưởng đến khu dân cư gần nhà máy.

- Đối với máy xay đá: Chân kê máy xay đá được lắp đặt bánh cao su, máy xay đá trong thùng xe, và hướng cửa thùng xe vào xưởng sản xuất đá hạn chế tiếng ồn, rung. Tổ chức hoạt động xay đá vào khung giờ: Buổi sáng: Từ 07 giờ đến 11 giờ 30; Buổi chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ. Không xay đá vào các khung giờ nghỉ ngơi của người dân.



Hình 12. Vị trí bố trí máy xay đá

- Bê tông hóa khu vực sân bãi, tạo mặt bằng, tránh tình trạng gồ gề của mặt sân đường dẫn đến các phương tiện giao thông khi di chuyển dễ phát ra tiếng ồn.

- Chủ cơ sở đã xây dựng, lắp đặt phòng máy cách xa khu vực nhà dân và phòng máy được thiết kế kết cấu như sau: tường bao che xây gạch dày 20 cm tô trát vữa, mái lợp tôn; toàn bộ các mặt bên thành vách phòng máy được lắp thêm lớp tấm cách âm kết cấu chất liệu xốp bê tông siêu nhẹ dày 1,5 cm, tiếp tục dán 01 lớp bên trong bằng tấm xốp cách âm, cách nhiệt là mút xốp 3 lớp PE-OPP dày 01cm, mái lợp tôn kẽm sóng vuông, nền sàn và bộ đặt chân máy được bê tông lót đệm cao su.

- Lắp đặt hệ thống cánh cửa đối với toàn bộ mặt tiền của các hầm đá và các hạng mục phụ trợ khác. Cửa được thiết kế theo hình thức bán tự động (một nửa trên cố định, nửa dưới có thể mở lên xuống). Kết cấu cửa: Khung thép hộp, mặt cửa được cấu tạo gồm 3 lớp:

+ Lớp 1: Tấm cách âm, cách nhiệt bằng chất liệu xốp bê tông (SCG Smartboard) dày 0,6 cm (mặt trong);

+ Lớp 3: Tấm xốp cách âm, cách nhiệt dày 05 cm;

+ Lớp 4: Tôn kẽm sóng vuông (mặt ngoài).

Toàn bộ nhà máy đóng kín cửa để cách âm, giảm ồn và chỉ mở cửa khu vực hầm đá khi có khách tới mua đá.

Phía trước phòng máy cũ và phòng máy mới xây bổ sung tường gạch dày 20 cm, các mặt tô trát vữa, tường cao 4,2 m.

Ngày 05/02/2025, Công ty phối hợp với Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường đo tiếng ồn và độ rung vào khung giờ từ 6 giờ đến 21 giờ, kết quả đo đạt đạt quy chuẩn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (*kết quả đo tiếng ồn và độ rung chi tiết tại Chương V*).

5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

5.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

- Các tủ điện phân phối phải được lắp đặt ở các vị trí khô, thoáng, có nắp hộp bảo vệ, thuận lợi cho việc sửa chữa và xử lý khi gặp sự cố.

- Các thiết bị điện trước khi đấu vào hệ thống điện phải được kiểm tra các thông số kỹ thuật, bảo đảm vận hành an toàn.

- Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy cho công trình bao gồm: Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy nước vách tường, hệ thống chữa cháy bằng các bình chữa cháy xách tay, nút nhấn khẩn, đèn báo cháy và còi báo động....

5.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố sét:

Lắp đặt hệ thống chống sét chung cho toàn cơ sở.

5.3. Phương án phòng ngừa sự cố rò rỉ khí gas:

- Phòng lắp đặt hệ thống lạnh, bình chứa gas phải thông gió, thoáng khí, cách xa nguồn điện.
- Thường xuyên kiểm tra các mối hàn, hệ thống van, phụ tùng đường ống đảm bảo kín khít.
- Định kỳ kiểm định hệ thống lạnh, bình chứa gas.
- Doanh nghiệp cam kết thực hiện nghiêm phương án phòng ngừa sự cố rò rỉ khí gas.

(Đính kèm: Báo cáo kết quả kiểm tra siêu âm mối hàn bình chứa gas số 697/KTVL-2022 ngày 19/9/2022 của Trung tâm Hạt nhân thành phố Hồ Chí Minh; Kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống lạnh số 1, 2 và 3 ngày 03/12/2020 của Công ty Cổ phần Giám định khử trùng VIETNAMCONTROL-Chi nhánh TT Kiểm định và huấn luyện ATLD).

6. Các nội dung thay đổi so với hồ sơ môi trường đã được Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm thông báo đủ điều kiện hoạt động tại Thông báo số 217/TB-UBND ngày 24/3/2020:

Trong quá trình hoạt động thực tế từ tháng 3/2020 đến nay có thay đổi so với nội dung hồ sơ môi trường đã được Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm thông báo đủ điều kiện hoạt động tại Thông báo số 217/TB-UBND ngày 24/3/2020. Cụ thể như sau:

Bảng 8. Nội dung thay đổi so với hồ sơ môi trường đã được UBND thành phố Phan Rang - Tháp Chàm thông báo đủ điều kiện hoạt động tại Thông báo số 217/TB-UBND ngày 24/3/2020

Stt	Nội dung thay đổi	Hồ sơ môi trường đã được Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm thông báo đủ điều kiện hoạt động tại Thông báo số 217/TB-UBND ngày 24/3/2020	Thực tế thực hiện	Đánh giá tác động từ việc thay đổi
1	Công suất sản xuất	1.000 cây nước đá/ngày	2.280 cây nước đá/ngày	Tăng công suất sản xuất theo nhu cầu cung cấp thị trường. Có các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường và đạt quy chuẩn.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Nhà máy nước đá Đức Tín, tại phường Mỹ Đông, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

2	Vốn đầu tư	870 triệu đồng	2,37 tỷ đồng	Vốn đầu tư tăng đầu tư mở rộng xây dựng và máy móc thiết bị nhà xưởng nước đá số 3
3	Nước thải sản xuất	1 - 1,2 m ³ /ngày	3,0 m ³ /ngày	Công trình xử lý nước thải sản xuất đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn cho phép
4	Máy móc thiết bị	01 tháp giải nhiệt và 02 giàn giải nhiệt	03 tháp giải nhiệt	Thay đổi để giảm thất thoát lượng nước giải nhiệt
5	Bể chứa nước thải sinh hoạt sau xử lý	-	Bể chứa nước thải sinh hoạt sau xử lý 5,03 m ³ , bằng bi giếng, đường kính D = 0,8 m, cao H = 1 m	Xây dựng mới để chứa nước thải sau xử lý phục vụ công tác vận hành thử nghiệm và Luật tài nguyên nước.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ sinh hoạt của quản lý, công nhân.
- Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ công đoạn nhúng lấy đá thành phẩm.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:

- Nước thải sinh hoạt: 0,78 m³/ngày đêm, tương đương 0,0325 m³/giờ
- Nước thải sản xuất: 3,0 m³/ngày đêm, tương đương 0,125 m³/giờ.

1.3. Dòng nước thải:

1.3.1. Nước thải sinh hoạt:

- Dòng nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT dẫn vào ngăn lắng chặn bể xử lý nước thải sản xuất sau đó thoát ra lạch Đông Hải.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải sinh hoạt:

Chất lượng nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; Loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc quy mô, diện tích sử dụng dưới 500 người áp dụng hệ số K = 1,2, cụ thể như sau:

Bảng 9. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn nước thải sinh hoạt

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ ở 20°C	mg/L	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	120
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	1.200
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	60
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	24
9	Phosphat (tính theo P)	mg/L	12
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	12

11	Coliforms	MPN/100ml	5.000
----	-----------	-----------	-------

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý thoát ra lạch Đông Hải, phía Đông của cơ sở tại vị trí có tọa độ: X = 1277058; Y = 584144 (hệ VN 2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiều 3°).

+ Phương thức xả thải: Tự chảy.

+ Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Lạch Đông Hải.

1.3.1. Nước thải sản xuất:

- Dòng nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất sau khi xử lý bằng bể xử lý nước thải sản xuất đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp sau đó thoát ra lạch Đông Hải.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải sản xuất:

Chất lượng nước thải sản xuất sau khi xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả vào lạch Đông Hải. Lạch Đông Hải thuộc vùng nước biển ven bờ không dùng cho mục đích bảo vệ thủy sinh, thả thả hoặc giải trí dưới nước áp dụng hệ số $K_q = 1,3$ và lưu lượng nước thải sản xuất $3,0 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ áp dụng $K_f = 1,2$, cụ thể như sau:

Bảng 10. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn nước thải sản xuất

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn cho phép
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	78
3	Clorua	mg/L	1.560
4	Chất rắn lơ lửng	mg/L	156
5	Coliform	MPN/100mL	5.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý thoát ra lạch Đông Hải, phía Đông của cơ sở tại vị trí có tọa độ: X = 1277058; Y = 584144 (hệ VN 2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiều 3°).

+ Phương thức xả thải: Tự chảy.

+ Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Lạch Đông Hải.

2. Nội dung đề nghị cấp phép tiếng ồn, độ rung:

2.1. Nguồn phát sinh:

- Nguồn 1: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ thiết bị làm lạnh.
- Nguồn 2: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực bốc đá thành phẩm.
- Nguồn 3: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy xay đá.

2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn

Bảng 11. Khu vực cơ sở phát sinh tiếng ồn

Tên mốc	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108°15', múi chiếu 3°)	
	X	Y
A	1277096,03	584108,43
B	1277096,08	584134,43
C	1277060,07	584110,12
D	1277060,12	584136,12

2.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Bảng 12. Giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung

Stt	Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Quy chuẩn áp dụng
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT
2	Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả vận hành thử nghiệm dây chuyền sản xuất nước đá:

Theo quy định tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019, tại khoản 11 điều 1 sửa đổi điều 18 của Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đối tượng đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường, rà soát cột 5 của Phụ lục II mục I thì loại hình sản xuất nước đá không nằm trong danh mục của phụ lục này, hoặc các đối tượng có phát sinh nước thải trên 20 m³/ngày đêm (Cơ sở phát sinh nước thải 3 m³/ngày đêm) nên không thuộc đối tượng lập Kế hoạch bảo vệ môi trường và quan trắc môi trường định kỳ.

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, Doanh nghiệp vận hành thử nghiệm dây chuyền sản xuất nước đá số 3 với quy mô sản xuất nước đá 1.000 cây/ngày vào ngày 26, 28/02/2020 và ngày 03/3/2020, cụ thể như sau:

1.1. Vị trí đo tiếng ồn:

Bảng 13. Vị trí đo tiếng ồn

Stt	Vị trí đo	Tọa độ (Hệ VN 2000)	Ký hiệu
1	Trước cửa ngõ nhà ông Lê Văn Quang, cách ranh giới nhà máy khoảng 6 m.	x = 1277098 y = 0584100	TO- ĐT01
2	Trước cửa ngõ nhà ông Nguyễn Búp, cách ranh giới nhà máy khoảng 6 m.	x = 1277080 y = 0584096	TO- ĐT02
3	Trước cửa ngõ nhà bà Lê Thị Thu, cách ranh giới nhà máy khoảng 6 m.	x = 1277067 y = 0584102	TO- ĐT03

1.2. Kết quả đo tiếng ồn:

Bảng 14. Kết quả đo tiếng ồn

Stt	Ngày, giờ đo	Vị trí	Đơn vị tính	Kết quả
1	22h00 - 23h40 Ngày 26/02/2020	TO- ĐT01	dBA	54,6
		TO- ĐT02		55,5
		TO- ĐT03		54,4
2	02h00 - 03h30 Ngày 28/02/2020	TO- ĐT01		53,2
		TO- ĐT02		54,1
		TO- ĐT03		52,3
3	03h00 - 04h30 Ngày 03/3/2020	TO- ĐT01	53,0	
		TO- ĐT02	54,4	

	TO-ĐT03	53,2
QCVN 26:2010/BTNMT		55

- **Ghi chú:** Kết quả đo tiếng ồn tại bảng trên được so sánh với cột từ 21 giờ đến 6 giờ khu vực thông thường của QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- **Nhận xét:** Kết quả đo tiếng ồn vào ngày 26/02/2020 tại vị trí Trước cửa ngõ nhà ông Nguyễn Búp cách ranh giới nhà máy khoảng 6 m vượt giới hạn cho phép 0,5 dBA, các vị trí còn lại nằm trong giới hạn cho phép. Doanh nghiệp đã khắc phục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, kết quả đo tiếng ồn vào ngày 26/02/2020 và ngày 03/3/2020 tại các vị trí đều đạt quy chuẩn cho phép.

2. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo:

Cơ sở phối hợp với Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường lấy mẫu nước thải sản xuất và đo tiếng ồn, rung vào ngày 05/02/2025 với công suất 2.280 cây nước đá/ngày. Kết quả như sau:

2.1. Kết quả quan trắc nước thải sản xuất:

- **Vị trí lấy mẫu:** Tại ngăn chứa nước thải sau xử lý trước khi thoát ra lạch Đông Hải. Tọa độ: x = 1277068; y = 0584142. Ký hiệu: NT-ĐT.

- Kết quả phân tích:

Bảng 15. Kết quả phân tích nước thải sản xuất sau xử lý

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 40:2011/BTNMT
1	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	404,4	500

- **Ghi chú:** Kết quả phân tích tại bảng trên được so sánh với cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- **Nhận xét:** Kết quả phân tích thông số Clorua nằm trong giới hạn cho phép cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

2.2. Kết quả đo tiếng ồn, độ rung:

- **Vị trí:** 03 vị trí, cụ thể tại bảng sau:

Bảng 16. Vị trí đo tiếng ồn, độ rung

Stt	Vị trí đo	Tọa độ (Hệ VN 2000)	Ký hiệu
1	Trước cửa ngõ nhà ông Lê Văn Quang, cách ranh giới nhà máy khoảng 6 m.	x = 1277098 y = 0584100	TO-ĐT01

2	Trước cửa ngõ nhà ông Nguyễn Búp, cách ranh giới nhà máy khoảng 6 m.	x = 1277080 y = 0584096	TO-ĐT02
3	Trước cửa ngõ nhà bà Lê Thị Thu, cách ranh giới nhà máy khoảng 6 m.	x = 1277067 y = 0584102	TO-ĐT03

- Kết quả đo tiếng ồn, độ rung:

Bảng 17. Kết quả đo tiếng ồn, độ rung

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích			QCVN
			TO-ĐT01	TO-ĐT02	TO-ĐT03	
1	Tiếng ồn	dBA	64	65	61	70
2	Độ rung	dB	53	53	54	75

- Ghi chú:

+ Kết quả đo tiếng ồn tại bảng trên được so sánh với cột từ 6 giờ đến 21 giờ khu vực thông thường của QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ Kết quả đo độ rung tại bảng trên được so sánh với cột từ 6 giờ đến 21 giờ khu vực thông thường của QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Nhận xét: Kết quả đo tiếng ồn và độ rung nằm trong giới hạn cho phép.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư:

Theo khoản 6 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-BTNMT ngày 10/01/2022 và khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Do đó thời gian vận hành thử nghiệm do chủ đầu tư quyết định, tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 tháng và việc quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án là quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm của cơ sở là 30 ngày và kế hoạch quan trắc như sau:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đã hoàn thành là

Bảng 18. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Stt	Công trình bảo vệ môi trường	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	Bể tự hoại 3 ngăn	01/3/2025	31/3/2025	100%
2	Bể xử lý nước thải sản xuất			
3	Công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung			

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

a. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý:

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu nước thải trước khi thực hiện việc xả thải ra ngoài môi trường như sau:

Bảng 19. Dự kiến thời gian lấy mẫu

Stt	Công trình bảo vệ môi trường	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Ghi chú
01	Bể tự hoại 3 ngăn	01/3/2025	31/3/2025	Quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày
02	Bể xử lý nước thải sản xuất			

Stt	Công trình bảo vệ môi trường	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Ghi chú
03	Công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung			liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

b. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải (lấy mẫu tổ hợp và mẫu đơn); thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

Bảng 20. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu

Stt	Vị trí	Thông số đánh giá	Số lượng mẫu	Thời gian
1	Đầu ra bể tự hoại 3 ngăn (01 mẫu/ngày)	pH; BOD ₅ (20°C); Tổng chất rắn hòa tan (TDS); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Amoni (tính theo N); Nitrat (tính theo N); Photphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P); Sunfua (tính theo H ₂ S); Dầu mỡ động thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Coliform.	03	10/3/2025 - 12/3/2025
2	Đầu ra bể xử lý nước thải sản xuất (01 mẫu/ngày)	pH, BOD ₅ , Chất rắn lơ lửng, Clorua, Coliform.	03	10/3/2025 - 12/3/2025
3	Trước cửa ngõ nhà Ông Lê Văn Quang, cách ranh giới nhà máy khoảng 6 m (03 mẫu/ngày: Khung giờ 6 giờ - 21 giờ) Tọa độ: x = 1277098, y = 0584100	Tiếng ồn, độ rung	09	10/3/2025 - 12/3/2025
	Trước cửa ngõ nhà Ông Nguyễn Búp, cách ranh giới nhà máy khoảng 6 m (03 mẫu/ngày: Khung giờ 6 giờ - 21 giờ). Tọa độ: x = 1277080, y = 0584096			
	Trước cửa ngõ nhà Bà Lê Thị Thu, cách ranh giới nhà máy khoảng 6 m (03			

mẫu/ngày: Khung giờ 6 giờ - 21 giờ). Tọa độ: x = 1277067, y = 0584102			
---	--	--	--

c. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Ninh Thuận.

2. Chương trình quan trắc môi trường:

- Quan trắc nước thải: Lưu lượng nước thải sinh hoạt tối đa là 0,78 m³/ngày đêm, nước thải sản xuất 3,0 m³/ngày đêm. Theo quy định tại khoản 2 Điều 97 và Phụ lục XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ; tự động, liên tục.

- Quan trắc chất thải rắn thông thường: khối lượng, chủng loại, tần suất: thường xuyên.

- Quan trắc chất thải nguy hại: khối lượng, chủng loại (qua sổ nhật ký theo dõi). Tại vị trí kho chứa chất thải rắn nguy hại, tần suất thường xuyên.

- Chế độ báo cáo: báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường gửi đến Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố Phan Rang Tháp Chàm - UBND thành phố Phan Rang Tháp Chàm theo quy định.

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong quá trình hoạt động cơ sở không có đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Xuất phát từ việc nhận thức rằng, các biện pháp giảm thiểu các tác động của cơ sở tới môi trường đã nêu trong Báo cáo đề xuất này là hoàn toàn khả thi và đảm bảo đầy đủ các quy chuẩn môi trường Việt Nam đã ban hành, cũng như từ việc nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường tại khu vực, Doanh nghiệp Tư nhân nước đá Đức Tín cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Đầu tư đầy đủ kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường.
- Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu và các phương án phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường đã nêu trong Báo cáo đề xuất bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo đạt hoàn toàn quy chuẩn môi trường Việt Nam theo quy định, gồm:
 - + Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí;
 - + Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt;
 - + Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn;
 - + Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do tiếng ồn, độ rung;
- Chủ đầu tư Cam kết nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của: Luật Bảo vệ môi trường; Các văn bản pháp lý khác của Trung ương và địa phương đã ban hành về bảo vệ môi trường có liên quan đến quá trình hoạt động của cơ sở.